

Số: 05./QĐ-MNHH

Quận 7, ngày 13 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN HOA HỒNG

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005 của Bộ Tài chính về thực hiện qui chế công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2004 của UBND Quận 7 về việc thành lập trường Mầm non Phú Thuận B;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2008 của UBND Quận 7 về việc đổi tên trường Mầm non Phú Thuận B thành trường Mầm non Hoa Hồng;

Căn cứ Quyết định số 8479/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Toàn thể cán bộ, viên chức trường Mầm non Hoa hồng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Niêm yết tại văn phòng;
- Lưu: VT.



Đơn vị: Trường mầm non Hoa Hồng

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-MNHH ngày 13/1/2023 của Trường Mầm non Hoa Hồng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	893.520.000
1	Thu học phí	893.520.000
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	893.520.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Thu chi hoạt động sự nghiệp, thu hộ chi hộ:	
I	Số thu sự nghiệp, thu hộ:	
1	Thu sự nghiệp:	5.996.740.000
	- Thu phục vụ bán trú	1.125.000.000
	- Thu học vẽ	347.760.000
	Thu học thể dục nhịp điệu	390.960.000
	Thu anh văn Tân Văn	1.423.800.000
	Thu chương trình thể dục thể thao 10 môn phối hợp	1.208.592.000
	Thu chương trình giáo dục kỹ năng sống	221.760.000
	Thu chương trình giáo dục STEAM	221.760.000
	Thu cơ sở vật chất của các trường theo mô hình hội nhập tiên	510.048.000
	Thu vệ sinh phí	456.610.000
	Thu thiết bị vận dụng bán trú	88.950.000
	Thu lãi ngân hàng	1.500.000
2	Thu hộ:	6.034.340.000
	Thu phí giữ trẻ hè	
	Học phẩm học cụ	61.550.000
	Tiền ăn trưa xê	3.735.900.000
	Tiền ăn sáng	2.134.800.000
	Bảo hiểm tai nạn học sinh	17.790.000
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	
	Tiền điện	82.800.000
	Thu khác	1.500.000
II	Số chi sự nghiệp, chi hộ:	
I	Chi sự nghiệp:	5.486.692.000
	Chi phục vụ bán trú	1.125.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
	Chi học vẽ	347.760.000
	Chi học thê dục nhịp điệu	390.960.000
	Chi anh văn Tân Văn	1.423.800.000
	Chi chương trình thê dục thê thao 10 môn phối hợp	1.208.592.000
	Chi chương trình giáo dục kỹ năng sông	221.760.000
	Chi chương trình giáo dục STEAM	221.760.000
	Chi vệ sinh phí	456.610.000
	Chi thiết bị vật dụng bán trú	88.950.000
	Chi phí chuyên khoản ngân hàng	1.500.000
2	Chi hộ:	6.034.340.000
	Chi phí giữ trẻ hè	
	Học phẩm, học cụ	61.550.000
	Tiền ăn trưa xế	3.735.900.000
	Tiền ăn sáng	2.134.800.000
	Bảo hiểm tai nạn học sinh	17.790.000
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	
	Tiền điện	82.800.000
	Chi khác	1.500.000
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.289.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.289.000.000
1	Chi quản lý hành chính	7.900.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.205.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.695.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.389.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (chi hỗ trợ học phí theo NQ 17/2022/NQ-HĐND ngày 11/10/2022)	785.000.000
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (NQ 03)	3.509.000.000
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (TK 10% chi thường xuyên)	95.000.000

Ngày 13 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



★ Trần Thị Tú Trinh